

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2019.

Về việc tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng
giữa anh Nguyễn Hữu P với chị Lê Huỳnh Anh Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy.

2. Ông Nguyễn Văn Thơm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên toà:*** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, thành phố. C.

2. ***Bị đơn:*** Chị Lê Huỳnh Anh Th, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X , xã T, huyện C, thành phố C.

3. ***Người làm chứng:***

- Bà Ngô Thị Kim P, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ ấp B, xã T, huyện Th, thành phố C.

- Bà Ngô Thị Út H, sinh năm 1970. (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ số 190/1 đường Tr, khu vực 14, phường C, quận O, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày: Do quen biết anh P và chị Lê Huỳnh Anh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào tháng 02/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 04/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, đến ngày 31/5/2018 chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân đến nay mặc dù anh P nhiều lần hàn gắn vợ chồng. Nay anh P xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết

không công nhận anh P và chị Lê Huỳnh Anh Th là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay anh thay đổi yêu cầu chia tài sản chung, anh xác định vợ chồng có 10 chỉ vàng 24kara là vàng cưới, chị Th bán ra được 35.000.000đồng, anh sử dụng riêng 7.000.000đồng, chị Th mua tivi trị giá 4.890.000đồng, còn lại 23.110.000đồng hiện chị Th đang giữ, yêu cầu chị Th giao lại cho anh số tiền 23.110.000đồng.

Về tài sản riêng: Tháng 02/2017, anh P giao cho chị Th quản lý 14.000.000đồng, đây là tài sản riêng trước khi tiến tới hôn nhân nên anh P yêu cầu chị Th giao lại cho anh 14.000.000đồng.

Về nợ chung: Anh P xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn chị Lê Huỳnh Anh Th trình bày: Chị Th thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian tiến tới hôn nhân, vợ chồng tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do anh P có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài không còn yêu thương chị Th từ đó vợ chồng thường xuyên bất hòa, anh P có lời lẽ xúc phạm danh dự, anh P đuổi chị Th về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ ngày 31/5/2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất Tòa án giải quyết không công nhận chị Th và anh P là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị Th thống nhất vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k, chị đã bán được 35.000.000đồng, giao cho anh P 7.000.000đồng, mua tivi 4.890.000đồng, đóng học phí lớp Sư phạm mầm non hai học kỳ với số tiền 5.000.000đồng, còn lại 18.110.000đồng. Khi vợ chồng về chung sống, thu nhập vợ chồng thấp, trong khi vợ chồng phải đi học (anh P học lớp Trung cấp Chính trị ở thành phố Cần Thơ, chị học lớp Sư phạm mầm non nên chị chi tiêu sinh hoạt cho cả hai vợ chồng hết số tiền 18.110.000đồng, số tiền còn lại không còn nên không đồng ý theo yêu cầu của anh P.

Về tài sản riêng: Chị Th xác định không giữ số tiền 14.000.000đồng của anh P nên không đồng ý giao lại cho anh P.

Nợ chung: Không có.

Người làm chứng:

Bà Ngô Thị Kim P trình bày: Khi cưới bà có cho vợ chồng anh P, chị Th 10 chỉ vàng 24k, bà có nghe anh P giao chị Th 14.000.000đồng nhưng không có chứng kiến việc giao tiền.

Bà Ngô Thị Út H trình bày: Bà có biết khi tổ chức lễ cưới gia đình bên chồng cho vợ chồng anh P, chị Th 10 chỉ vàng 24k và cũng nghe mẹ anh P và anh P nói có giao 14.000.000đồng là tài sản riêng của anh P giao chị Th quản lý. Bà chỉ nghe nói chứng không chứng kiến việc giao vàng, tiền cho chị Th

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận vợ, chồng giữa anh Nguyễn Hữu P với chị Lê Huỳnh Anh Th; Về con chung: Không có; Tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu chị Lê Huỳnh Anh Th giao trả số tiền 23.110.000đồng; Nghĩa vụ chung: Không có; Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu chị Lê Huỳnh Anh Th giao trả số tiền 14.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Không công nhận vợ chồng”. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của anh P và chị Th là tự nguyện nhưng khi về sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi tiến tới hôn nhân anh P và chị Th đều xác định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này* ”. Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận anh P và chị Th là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Anh P và chị Th xác định không có con chung

[4] Về nghĩa vụ chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Anh P yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chị Th giao trả cho anh số tiền 23.110.000đồng còn lại. Chị Th cho rằng sau khi bán 10 chỉ vàng 24k được 35.000.000đồng đã giao anh P 7.000.000đồng, mua tivi 4.890.000đồng, đóng học phí 5.000.000đồng, còn lại 18.110.000đồng chị chi tiêu sinh hoạt chung cho vợ chồng không còn nên không đồng ý giao lại cho anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, các khoản chi như mua tivi, đóng học phí có hóa đơn chứng từ hợp pháp nên chấp nhận. Anh P và chị Th tiến tới hôn nhân từ tháng 02/2017 đến nay đã hơn 02 năm, bản thân anh P và chị Th là cán bộ không chuyên trách cấp xã, lương hàng tháng của hai anh, chị đều thấp trong khi cả anh, chị đều phải đi học tốn kém nên chị Th khai dùng số tiền còn lại 18.110.000đồng chi tiêu sinh hoạt chung cho cả hai vợ chồng trong thời gian đi học và sống chung đã hết là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chị Th giao trả 23.110.000đồng.

[6] Về tài sản riêng: Anh P yêu cầu chị Th giao 14.000.000đồng là tài sản riêng của anh P nhưng anh P không có chứng cứ gì để chứng minh chị Th đang quản lý số tiền này trong chị Th không thừa nhận. Mặt khác, người làm chứng bà Ngô Thị Kim P, Ngô Thị Út H cũng xác định không chứng kiến việc anh P giao 14.000.000đồng cho chị Th mà chỉ nghe anh P nói lại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chị Th giao trả 14.000.000đồng là phù hợp.

[7] Xét lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về án phí dân sự: Do yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu giao tài sản riêng không được chấp nhận nên anh Nguyễn Hữu P phải nộp 1.855.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (37.110.000đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu P với chị Lê Huỳnh Anh Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu chị Lê Huỳnh Anh Th giao trả số tiền 23.110.000đồng.

4. Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu chị Lê Huỳnh Anh Th giao trả số tiền 14.000.000đồng.

5. Về nghĩa vụ chung: Anh P và chị Th xác định không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình: Anh Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001256 ngày 19/12/2018 thành tiền án phí.

7. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Hữu P phải nộp 1.855.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh P được cản trừ 1.050.000đồng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001257 ngày 19/12/2018, anh P phải nộp thêm 805.000đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh